VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả[1].

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chính sách, biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; quyền, nghĩa vụ,

---

[1] Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12, Luật Công chứng số 53/2014/QH13, Luật Dược số 105/2016/QH13, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, Luật Điện lực số 28/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 24/2012/QH13, Luật Hóa chất số 06/2007/QH12, Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13, Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 và Luật Trẻ em số 102/2016/QH13."

trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Năng lượng* bao gồm nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng thu được trực tiếp hoặc thông qua chế biến từ các nguồn tài nguyên năng lượng không tái tạo và tái tạo.

2. *Tài nguyên năng lượng không tái tạo* gồm than đá, khí than, dầu mỏ, khí thiên nhiên, quặng urani và các tài nguyên năng lượng khác không có khả năng tái tạo.

3. *Tài nguyên năng lượng tái tạo* gồm sức nước, sức gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, nhiên liệu sinh học và các tài nguyên năng lượng khác có khả năng tái tạo.

4. *Nhiên liệu* là các dạng vật chất được sử dụng trực tiếp hoặc qua chế biến để làm chất đốt.

5. *Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả* là việc áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm tổn thất, giảm mức tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị mà vẫn bảo đảm nhu cầu, mục tiêu đặt ra đối với quá trình sản xuất và đời sống.

6. *Kiểm toán năng lượng* là hoạt động đo lường, phân tích, tính toán, đánh giá để xác định mức tiêu thụ năng lượng, tiềm năng tiết kiệm năng lượng và đề xuất giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với cơ sở sử dụng năng lượng.

7. *Nhãn năng lượng* là nhãn cung cấp thông tin về loại năng lượng sử dụng, mức tiêu thụ năng lượng, hiệu suất năng lượng và các thông tin khác giúp người tiêu dùng nhận biết và lựa chọn phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng.

8. *Dán nhãn năng lượng* là việc dán, gắn, in, khắc nhãn năng lượng lên sản phẩm, bao bì.

9. *Hiệu suất năng lượng* là chỉ số biểu thị khả năng của phương tiện, thiết bị chuyển hóa năng lượng sử dụng thành năng lượng hữu ích.

10. *Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu* là mức hiệu suất năng lượng thấp nhất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng mà dưới mức đó, thiết bị sẽ chịu sự quản lý đặc biệt.

11. *Sản phẩm tiết kiệm năng lượng* là phương tiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, vật liệu có tính cách nhiệt tốt phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể về năng lượng, chính sách an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường.

2. Được thực hiện thường xuyên, thống nhất từ quản lý, khai thác tài nguyên năng lượng đến khâu sử dụng cuối cùng.

3. Là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và toàn xã hội.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Áp dụng thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là một trong những ưu tiên hàng đầu.

2. Hỗ trợ tài chính, giá năng lượng và các chính sách ưu đãi cần thiết khác để thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Tăng đầu tư, áp dụng đa dạng hình thức huy động các nguồn lực để đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với tiềm năng, điều kiện của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường.

4. Khuyến khích sử dụng phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng; thực hiện lộ trình áp dụng nhãn năng lượng; từng bước loại bỏ phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc hậu, hiệu suất năng lượng thấp.

5. Khuyến khích phát triển dịch vụ tư vấn; đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 6. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, quy hoạch tổng thể về năng lượng, chương trình sử dụng năng lượng[2]

1. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, chương trình sử dụng năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

a) Cung cấp năng lượng ổn định, an toàn; sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên năng lượng;

b) Dự báo cung, cầu năng lượng phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp hài hòa, cân đối giữa các ngành than, dầu khí, điện lực và các năng lượng khác;

c) Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên phát triển hợp lý công nghệ năng lượng sạch, nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo;

d) Xây dựng và thực hiện lộ trình chế tạo phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng.

2. Quy hoạch tổng thể về năng lượng là quy hoạch ngành quốc gia. Việc lập quy hoạch tổng thể về năng lượng phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, chương trình sử dụng năng lượng.

Bộ Công Thương tổ chức lập quy hoạch tổng thể về năng lượng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 7. Thống kê về sử dụng năng lượng

Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về thống kê trình Chính phủ ban hành các chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo quy định của Luật này và pháp luật về thống kê.

Điều 8. Các hành vi bị cấm

1. Hủy hoại nguồn tài nguyên năng lượng quốc gia.

2. Giả mạo, gian dối để được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vì mục đích vụ lợi.

4. Cố ý cung cấp thông tin không trung thực về hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị trong hoạt động dán nhãn năng lượng, kiểm định, quảng cáo và các hoạt động khác gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

5. Sản xuất, nhập khẩu, lưu thông phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải loại bỏ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Chương II
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Điều 9. Trách nhiệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sản xuất công nghiệp

1. Cơ sở sản xuất công nghiệp gồm cơ sở sản xuất, chế biến, gia công sản phẩm hàng hóa; cơ sở chế tạo, sửa chữa phương tiện, thiết bị; cơ sở khai thác mỏ; cơ sở sản xuất, cung cấp năng lượng.

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp có trách nhiệm:

a) Xây dựng, thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm; lồng ghép chương trình quản lý năng lượng với các chương trình quản lý chất lượng, chương trình sản xuất sạch hơn, chương trình bảo vệ môi trường của cơ sở;

b) Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; lựa chọn áp dụng quy trình và mô hình quản lý sản xuất tiên tiến, biện pháp công nghệ phù hợp và thiết bị công nghệ có hiệu suất năng lượng cao; sử dụng các dạng năng lượng thay thế có hiệu quả cao hơn trong dây chuyền sản xuất;

c) Áp dụng biện pháp kỹ thuật, kiến trúc nhà xưởng nhằm sử dụng tối đa hiệu quả hệ thống chiếu sáng, thông gió, làm mát; sử dụng tối đa ánh sáng, thông gió tự nhiên;

d) Thực hiện quy trình vận hành, chế độ duy tu, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị trong dây chuyền sản xuất để chống tổn thất năng lượng;

đ) Loại bỏ dần phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật, định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong từng ngành sản xuất công nghiệp.

Điều 10. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ sở sản xuất, chế biến, gia công sản phẩm hàng hóa

Cơ sở sản xuất, chế biến, gia công sản phẩm hàng hóa căn cứ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng để lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý sau đây:

1. Đầu tư hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, chế biến, gia công sản phẩm hàng hóa; thay thế thiết bị có công nghệ lạc hậu, hiệu suất năng lượng thấp để tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;

2. Cải tiến, hợp lý hóa các quá trình:

a) Đốt nhiên liệu trong lò hơi, lò luyện, lò nung, lò sấy;

b) Trao đổi nhiệt trong thiết bị gia nhiệt, làm lạnh;

c) Chuyển hóa nhiệt năng thành điện năng, điện năng thành nhiệt năng, cơ năng và các dạng chuyển hóa năng lượng khác;

3. Tận dụng nhiệt thừa của lò hơi, lò luyện, lò nung, hơi nước thải nóng cho mục đích sản xuất và đời sống;

4. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm giảm tổn hao năng lượng trong hệ thống cung cấp điện và cung cấp nhiệt;

5. Sử dụng động cơ điện, lò hơi, máy bơm có hiệu suất cao, thiết bị biến tần, thiết bị điều chỉnh tốc độ động cơ cho công trình xây lắp mới hoặc thay thế, sửa chữa;

6. Áp dụng công nghệ đồng phát nhiệt điện đối với cơ sở chế biến, gia công, sản xuất sản phẩm hàng hóa có tiềm năng phát triển phụ tải điện và nhiệt.

Điều 11. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ sở chế tạo, sửa chữa phương tiện, thiết bị

Cơ sở chế tạo, sửa chữa phương tiện, thiết bị căn cứ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng để lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý sau đây:

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thay thế thiết bị công nghệ lạc hậu; đầu tư lắp đặt máy công cụ thế hệ mới có công nghệ hiện đại, tự động hóa cao;

2. Áp dụng biện pháp công nghệ nung, luyện vật liệu, tạo phôi, rèn, dập, phay, tiện, gia công sản phẩm đã được kiểm chứng trong thực tế là tiết kiệm và có hiệu quả cao về sử dụng năng lượng;

3. Lắp đặt bộ biến tần, thiết bị điều chỉnh tốc độ động cơ điện theo nhu cầu công suất cho cầu trục, thiết bị nâng hạ và vận chuyển trong nhà xưởng; bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý nhằm tiết kiệm năng lượng.

Điều 12. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ sở khai thác mỏ

Cơ sở khai thác mỏ căn cứ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng để lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý sau đây:

1. Áp dụng quy trình khai thác hợp lý để giảm tiêu thụ nhiên liệu, điện, nước cung cấp cho phương tiện, thiết bị trong khai thác;

2. Lựa chọn phương tiện, thiết bị phù hợp với điều kiện khai trường của mỏ để nâng cao năng suất khai thác, đồng thời tiết kiệm năng lượng;

3. Áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sàng, tuyển, chế biến, vận chuyển khoáng sản;

4. Thiết kế, lắp đặt hợp lý hệ thống thông gió trong mỏ hầm lò bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 13. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ sở sản xuất, cung cấp năng lượng

1. Cơ sở sản xuất, cung cấp năng lượng căn cứ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý sau đây:

a) Lựa chọn công nghệ có hiệu suất năng lượng cao; lắp đặt đầy đủ thiết bị đo lường, kiểm tra thông số vận hành; định kỳ tổ chức hiệu chỉnh, bảo trì lò, máy và thiết bị phụ trợ trong nhà máy phát điện để bảo đảm hiệu suất chung của nhà máy đạt hiệu suất thiết kế;

b) Tận dụng nhiệt thải, hơi nước thải có nhiệt độ cao để cung cấp cho quá trình cháy, sấy nhiên liệu, làm nóng nước cấp vào lò nhằm nâng cao hiệu suất phát điện của tổ máy;

c) Cơ sở phát điện phải tuân thủ phương thức huy động của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm điện tự dùng;

d) Nhà máy thủy điện phải tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành khai thác hồ chứa hoặc liên hồ chứa, bảo đảm yêu cầu phát điện an toàn, tham gia nhiệm vụ điều tiết cấp nước cho sản xuất và đời sống;

đ) Đơn vị truyền tải, phân phối điện phải xây dựng chương trình, kế hoạch, định mức và lộ trình cụ thể nhằm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối điện;

e) Đơn vị khai thác, cung ứng nhiên liệu phải sử dụng kho chứa, phương tiện vận chuyển an toàn, phù hợp, giảm thất thoát, phòng ngừa gây ô nhiễm môi trường, lãng phí năng lượng;

g) Đơn vị khai thác than, dầu khí phải có phương án tận thu khí đồng hành và tài nguyên năng lượng khác.

2. Không xây dựng mới tổ máy phát điện bằng than, dầu, khí có công nghệ lạc hậu, hiệu suất thấp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 14. Trách nhiệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp

Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp có trách nhiệm lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định tại các điều 9, 10 và 11 của Luật này phù hợp với quy mô và ngành nghề sản xuất.

Chương III
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG XÂY DỰNG, CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG

Điều 15. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng

1. Áp dụng các giải pháp quy hoạch và thiết kế kiến trúc phù hợp với điều kiện tự nhiên nhằm giảm tiêu thụ năng lượng sử dụng cho chiếu sáng, thông gió, làm mát, sưởi ấm.

2. Sử dụng vật liệu cách nhiệt phù hợp tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn nước ngoài về mức hiệu suất năng lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, thừa nhận áp dụng nhằm hạn chế truyền nhiệt qua tường, mái nhà, cửa ra vào và cửa sổ.

3. Sử dụng và lắp đặt các phương tiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao được thiết kế, sản xuất phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài về mức hiệu suất năng lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, thừa nhận áp dụng.

4. Sử dụng hệ thống quản lý, điều khiển tự động để vận hành phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phù hợp với quy mô công trình.

5. Lắp đặt thiết bị đo lường điện, nhiệt, thiết bị khống chế nhiệt độ trong phòng và thiết bị kiểm soát hệ thống cung cấp điện, nhiệt tại các vị trí trong tòa nhà phù hợp với điều kiện thời tiết và mục đích sử dụng.

6. Sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu không nung, lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, khí sinh học trong các công trình xây dựng.

7. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với công trình xây dựng.

Điều 16. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng

1. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan ban hành định mức về sử dụng năng lượng, quy chuẩn kỹ thuật về thiết kế, thi công, vật liệu xây dựng nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng tại địa phương.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, xử lý kịp thời vi phạm quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với công trình xây dựng đang thi công, cải tạo; không cấp giấy phép xây dựng cho công trình xây dựng không tuân thủ định mức về sử dụng năng lượng, quy chuẩn kỹ thuật nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 17. Trách nhiệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng

Chủ đầu tư, người đứng đầu cơ sở quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau đây:

1. Bảo đảm hệ thống chiếu sáng công cộng được thiết kế theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với từng công trình và khu vực chiếu sáng; ưu tiên sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, thiết bị chiếu sáng sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, tận dụng nguồn chiếu sáng tự nhiên;

2. Khi sửa chữa, thay thế, lắp đặt mới thiết bị chiếu sáng công cộng phải sử dụng thiết bị chiếu sáng được xác định là sản phẩm tiết kiệm năng lượng;

3. Vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng phù hợp theo thời gian trong ngày, theo mùa, vùng, miền.

Điều 18. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng

1. Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật, quy định về chiếu sáng công cộng bảo đảm yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng trong chiếu sáng công cộng.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng; Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện quản lý chiếu sáng công cộng theo thẩm quyền được phân cấp.

Chương IV
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Điều 19. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động giao thông vận tải

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tư vấn, thiết kế, đầu tư phát triển giao thông vận tải công cộng; sản xuất, sử dụng phương tiện giao thông tiết kiệm năng lượng; khai thác và mở rộng ứng dụng khí hóa lỏng, khí thiên nhiên, điện, nhiên liệu hỗn hợp, nhiên liệu sinh học thay thế xăng, dầu.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận tải phải lựa chọn và thực hiện các biện pháp sau đây:

a) Tối ưu hóa tuyến vận tải, phương tiện vận tải nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng;

b) Xây dựng và áp dụng quy định về bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện giao thông vận tải thuộc phạm vi quản lý để giảm tiêu thụ nhiên liệu;

c) Ứng dụng các giải pháp công nghệ, quản lý, tổ chức vận tải nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Chủ đầu tư, nhà thầu khi xây dựng, cải tạo công trình giao thông có trách nhiệm:

a) Thực hiện các giải pháp về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của dự án đã được phê duyệt;

b) Áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong thi công công trình.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thiết bị, phương tiện vận tải

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất thiết bị, phương tiện vận tải có trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong sản xuất thiết bị, phương tiện vận tải;

b) Áp dụng công nghệ tiên tiến; tăng cường nghiên cứu, chế tạo thiết bị, phương tiện vận tải tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo và các dạng nhiên liệu thay thế khác.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thiết bị, phương tiện vận tải có trách nhiệm tuân thủ quy định về định mức tiêu thụ năng lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động giao thông vận tải

1. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không;

b) Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan xây dựng và ban hành theo thẩm quyền quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện vận tải;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện loại bỏ phương tiện vận tải quá thời hạn sử dụng, không đạt mức hiệu suất năng lượng tối thiểu;

d) Hướng dẫn doanh nghiệp vận tải hợp lý hóa hoạt động giao thông vận tải nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng của phương tiện vận tải;

đ) Lập kế hoạch đầu tư, khai thác hệ thống giao thông công cộng, tăng cường sử dụng mạng lưới giao thông đường sắt, đường thủy kết hợp vận tải đa phương thức;

e) Kiểm tra việc tuân thủ định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện vận tải.

2. Bộ Công Thương hướng dẫn cơ sở sản xuất phương tiện vận tải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện vận tải.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan công bố tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng của phương tiện vận tải và nhiên liệu thân thiện môi trường sử dụng trong giao thông vận tải.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong quy hoạch, phát triển hệ thống giao thông vận tải tại địa phương;

b) Tổ chức phân làn, phân luồng giao thông hợp lý; quy định giờ hoạt động của một số loại phương tiện, giảm thiểu ùn tắc giao thông nhằm tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong giao thông vận tải được phân cấp.

Chương V
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Điều 22. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp

1. Quy hoạch, tổ chức sản xuất nông nghiệp phải bảo đảm yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp lựa chọn các biện pháp sau đây để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

a) Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học, cải tiến công nghệ nhằm đạt hiệu suất năng lượng cao đối với thiết bị sản xuất, gia công, chế biến, bảo quản, vận chuyển sản phẩm nông nghiệp;

b) Sử dụng thiết bị, công nghệ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trong sản xuất, gia công, chế biến, bảo quản, vận chuyển sản phẩm nông nghiệp và phát triển ngành nghề;

c) Loại bỏ theo lộ trình phương tiện, thiết bị, máy móc nông nghiệp, đánh bắt thủy sản có công nghệ lạc hậu, hiệu suất năng lượng thấp theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tư vấn sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 23. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong thủy lợi

1. Tổ chức quy hoạch hệ thống thủy lợi hợp lý, tối ưu hóa hệ thống hồ chứa, kênh mương, tận dụng dòng chảy tự nhiên.

2. Vận hành, khai thác hợp lý công suất tổ máy bơm trong các trạm bơm cấp, thoát nước của hệ thống thủy lợi.

Điều 24. Giảm tổn thất điện năng và sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn

1. Đầu tư, cải tạo lưới điện nông thôn phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn điện, giảm tổn thất điện năng.

2. Khuyến khích sản xuất, sử dụng nguồn năng lượng tại chỗ bằng sức nước, sức gió, ánh sáng mặt trời, khí sinh học, phụ phẩm nông nghiệp và các nguồn năng lượng tái tạo khác.

3. Phát triển hợp lý theo quy hoạch vùng cây nguyên liệu cho sản xuất nhiên liệu sinh học.

Điều 25. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thực hiện quy định tại các điều 22, 23 và khoản 2, khoản 3 Điều 24 của Luật này;

b)[3] ***(được bãi bỏ)***

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống thủy lợi tại địa phương;

b)[4] ***(được bãi bỏ)***

c) Tăng cường quản lý, kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

Chương VI
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VÀ HỘ GIA ĐÌNH

Điều 26. Trách nhiệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động dịch vụ

---

[3] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

[4] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Chủ khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng, cơ sở vui chơi giải trí, thể dục, thể thao và các cơ sở hoạt động dịch vụ khác có trách nhiệm:

1. Thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng, chiếu sáng, quản lý phương tiện, thiết bị;

2. Hạn chế sử dụng thiết bị công suất lớn, tiêu thụ nhiều điện năng vào giờ cao điểm trong chiếu sáng, trang trí, quảng cáo;

3. Kiểm soát, duy tu, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng để giảm tổn thất năng lượng trong hoạt động dịch vụ.

Điều 27. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hộ gia đình

Nhà nước khuyến khích hộ gia đình thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sau đây:

1. Thiết kế, xây dựng nhà ở có khả năng tận dụng ánh sáng và thông gió tự nhiên;

2. Sử dụng vật liệu cách nhiệt, thiết bị gia dụng là sản phẩm tiết kiệm năng lượng; tăng cường sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo;

3. Hạn chế sử dụng thiết bị điện công suất lớn, tiêu thụ nhiều điện năng vào giờ cao điểm;

4. Xây dựng nếp sống, thói quen tiết kiệm năng lượng trong sử dụng thiết bị chiếu sáng và gia dụng.

Điều 28. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động dịch vụ, hộ gia đình

1. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật này về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động dịch vụ, hộ gia đình.

2. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các quy định sau đây:

a) Tuyên truyền, vận động cơ sở dịch vụ, hộ gia đình thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

b) Quản lý việc thực hiện các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở hoạt động dịch vụ tại địa phương;

c) Vận động hộ gia đình thực hiện mô hình hộ gia đình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hưởng ứng các hoạt động về sử dụng năng lượng tiết kiệm.

Chương VII
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 29. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong dự án đầu tư từ vốn nhà nước

Chủ đầu tư dự án mới, dự án cải tạo cơ sở hạ tầng, công trình xây dựng có sử dụng vốn nhà nước phải thực hiện các quy định của Luật này phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và các quy định khác của pháp luật có liên quan về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong tất cả các giai đoạn thực hiện dự án.

Điều 30. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

1. Hàng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bao gồm mục tiêu, biện pháp, định mức về sử dụng năng lượng đối với trụ sở làm việc, công trình xây dựng trực thuộc và báo cáo tình hình tiêu thụ năng lượng; xây dựng và thực hiện Quy chế tiết kiệm năng lượng nội bộ, bảo đảm vận hành phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Cơ quan, đơn vị có cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải thực hiện kiểm toán năng lượng.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm; thông báo danh sách cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được khen thưởng hoặc bị xử lý vi phạm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 31. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước về thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện tiết kiệm năng lượng; ban hành quy chế sử dụng năng lượng của cơ quan, đơn vị.

2. Đăng ký kế hoạch sử dụng năng lượng với cơ quan quản lý nhà nước về năng lượng tại địa phương; phổ biến kế hoạch, biện pháp và quy chế thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá và áp dụng hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng.

Chương VIII
QUẢN LÝ VIỆC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM

Điều 32. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở sử dụng năng lượng hàng năm với khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ.

Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm.

Điều 33. Trách nhiệm của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Ngoài việc thực hiện các quy định tại Luật này đối với lĩnh vực hoạt động có liên quan, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm còn có trách nhiệm:

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

b) Xây dựng chế độ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

c) Chỉ định người quản lý năng lượng theo quy định tại Điều 35 của Luật này;

d) Ba năm một lần thực hiện việc kiểm toán năng lượng bắt buộc;

đ) Áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Thực hiện quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở.

2. Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm và năm năm; quy định mẫu báo cáo định kỳ hàng năm và năm năm.

Điều 34. Kiểm toán năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải thực hiện chế độ kiểm toán năng lượng bằng hình thức tự kiểm toán hoặc thuê tổ chức kiểm toán năng lượng thực hiện.

2. Tổ chức kiểm toán năng lượng phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là pháp nhân thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đội ngũ kiểm toán viên năng lượng được cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng;

c) Có phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc kiểm toán năng lượng.

3. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm tự thực hiện chế độ kiểm toán năng lượng khi có đủ các điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

4. Bộ Công thương quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng.

Điều 35. Điều kiện, nhiệm vụ của người quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Người quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành năng lượng hoặc ngành kỹ thuật liên quan đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hoạt động dịch vụ; có bằng tốt nghiệp từ trung cấp kỹ thuật liên quan trở lên đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải;

b) Có chứng chỉ quản lý năng lượng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Người quản lý năng lượng có trách nhiệm giúp người đứng đầu cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch hàng năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

b) Tổ chức mạng lưới quản lý hoạt động sử dụng năng lượng, áp dụng mô hình quản lý năng lượng;

c) Thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo mục tiêu và kế hoạch đã được phê duyệt;

d) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

đ) Theo dõi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của thiết bị và toàn bộ dây chuyền sản xuất; sự biến động của nhu cầu tiêu thụ năng lượng liên quan đến việc lắp đặt mới, cải tạo, sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định;

e) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn trong hoạt động sử dụng năng lượng.

3. Bộ Công thương quy định nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận chứng chỉ quản lý năng lượng.

Điều 36. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý năng lượng có trách nhiệm:

a) Kiểm tra thường xuyên tình hình sử dụng năng lượng của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; tổ chức tiếp nhận, lưu trữ báo cáo sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm và năm năm của các cơ sở theo quy định;

b) Căn cứ báo cáo định kỳ về sử dụng năng lượng của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm quy định tại Điều 33 của Luật này, yêu cầu, hướng dẫn cơ sở điều chỉnh kế hoạch hàng năm, kế hoạch năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, định mức sử dụng năng lượng cho phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

2. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm không thực hiện quy định tại các điều 33, 34 và 35 của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IX
QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Điều 37. Biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với phương tiện, thiết bị

Nhà nước áp dụng các biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sau đây đối với phương tiện, thiết bị:

1. Xây dựng và công bố tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng, mức hiệu suất năng lượng tối thiểu của phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng;

2. Dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng;

3. Công khai thông tin cần thiết về sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị;

4. Loại bỏ phương tiện, thiết bị dưới mức hiệu suất năng lượng tối thiểu;

5. Xử lý các hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Điều 38. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng, mức hiệu suất năng lượng tối thiểu

1. Việc xây dựng tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng, mức hiệu suất năng lượng tối thiểu đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Thực hiện mục tiêu tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;

b) Phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, trình độ khoa học và công nghệ của đất nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế;

c) Khuyến khích đầu tư nghiên cứu, sản xuất, cung cấp cho thị trường sản phẩm có hiệu suất năng lượng cao, tiết kiệm năng lượng.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm năm một lần tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng, mức hiệu suất năng lượng tối thiểu.

Điều 39. Dán nhãn năng lượng

1. Phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường.

2. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị thực hiện việc dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng.

3. Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng được cấp sau khi phương tiện, thiết bị đã được thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tại phòng thử nghiệm.

4. Bộ Công thương có trách nhiệm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện;

b) Quy định nội dung, quy cách nhãn năng lượng;

c) Quy định phòng thử nghiệm có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng;

d) Quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị;

đ) Quy định việc công nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu.

Điều 40. Quản lý phương tiện, thiết bị dưới mức hiệu suất năng lượng tối thiểu

1. Phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng có mức hiệu suất năng lượng dưới mức hiệu suất năng lượng tối thiểu phải loại bỏ theo danh mục và lộ trình do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Không sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị có mức hiệu suất năng lượng dưới mức hiệu suất năng lượng tối thiểu thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải loại bỏ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị phải loại bỏ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, trình độ khoa học và công nghệ của đất nước theo từng thời kỳ.

Chương X
BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Điều 41. Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Dự án thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được xem xét, hỗ trợ kinh phí từ chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng được ưu đãi, hỗ trợ như sau:

a) Các ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng phát triển, Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ bảo vệ môi trường và

được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

3. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng; sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hóa lỏng, khí thiên nhiên, điện, nhiên liệu hỗn hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 42. Phát triển khoa học và công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí và xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được ưu tiên bao gồm:

a) Ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất năng lượng trong các ngành công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, giao thông vận tải;

b) Ứng dụng giải pháp công nghệ để chế tạo mới phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao; cải tiến, đổi mới, nâng cấp thiết bị sử dụng năng lượng;

c) Ứng dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào thiết kế, thi công công trình xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;

d) Phát triển công nghệ đồng phát nhiệt điện, nâng cao hệ số sử dụng của tổ máy tuabin nhiệt; giải pháp công nghệ làm tăng hệ số sử dụng năng lượng nhiệt tổng hợp;

đ) Phát triển và sử dụng công nghệ than sạch, khí hóa than, hóa lỏng nhiên liệu khí có hiệu suất năng lượng cao, giảm ô nhiễm môi trường;

e) Nghiên cứu phát triển các dạng năng lượng thay thế nhiên liệu truyền thống.

Điều 43. Tuyên truyền, giáo dục, phát triển dịch vụ tư vấn sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Tổ chức hoạt động tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức, thực hiện các quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

2. Lồng ghép nội dung giáo dục về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong nhà trường với hình thức phù hợp;

3. Tổ chức dịch vụ tư vấn năng lượng để thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Kiểm toán năng lượng;

b) Chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ thân thiện với môi trường;

c) Đào tạo, tư vấn áp dụng mô hình quản lý năng lượng tiên tiến;

d) Tư vấn thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng;

đ) Cung cấp thông tin, quảng bá về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

e) Các dịch vụ khác về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Chương XI
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Điều 44. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Công thương chịu tránh nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo phân công của Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo phân cấp của Chính phủ.

Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Công thương về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chính sách, chương trình, kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và tổ chức thực hiện theo phân công của Chính phủ.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Tổ chức hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia.

4. Tham gia tuyên truyền, giáo dục pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

5. Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

6. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Chương XII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[5]

---

[5] Điều 12 của Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 12. Hiệu lực thi hành***

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019."

Điều 47. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Điều 48. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Số: 01/VBHN-VPQH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2018

CHỦ NHIỆM

Nguyễn Hạnh Phúc